QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 ĐIỂM DÂN CƯ THÔN TÂN LẠC, XÃ ĐỒNG CHÂU

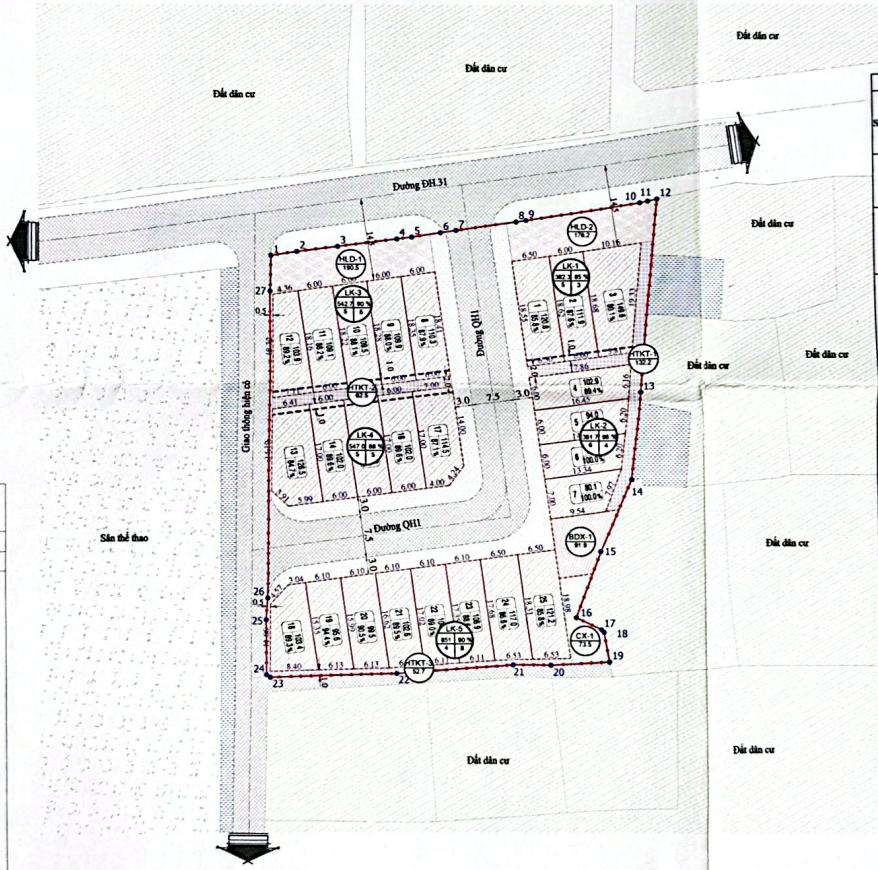
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHIA LÔ

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐỒNG CHÂU - TỈNH HƯNG YÊN

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- QUY HOẠCH ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT KHE HẠ TẦNG
- ĐẤT GIAO THÔNG
- VỈA HÈ
- BÃI ĐỖ XE
- HÀNH LANG ĐƯỜNG ĐH.31

DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT — MẬT ĐỘ XÂY DỰNG — TẦNG CAO TỐI ĐA — TỔNG SỐ LÔ ĐẤT



BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT CHIA LÔ:

STT	Loại đất	Ký hiệu lô đất	Số thứ tự lô đất	Diện tích (m2)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	Số lô đất (lô)
1	Đất xây dựng nhà ở liên kế	LK-1	1-3	382,3		85	4,2	3
			1	120,8	5	86	4,3	
			2	111,9	5	88	4,4	
			3	149,6	5	80	4,0	
2	Đất xây dựng nhà ở liên kế	LK-2	4-7	361,7		96	4,8	4
			4	102,9	5	89	4,5	
			5	94,0	5	96	4,8	
			6	84,7	5	100	5,0	
			7	80,1	5	100	5,0	
3	Đất xây dựng nhà ở liên kế	LK-3	8-12	542,7		88	4,4	5
			8	110,3	5	88	4,4	
			9	109,9	5	88	4,4	
			10	109,5	5	88	4,4	
			11	109,1	5	88	4,4	
			12	103,9	5	89	4,5	
4	Đất xây dựng nhà ở liên kế	LK-4	13-17	547,0		88	4,4	5
			13	126,5	5	85	4,2	
			14	102,0	5	90	4,5	
			15	102,0	5	90	4,5	
			16	102,0	5	90	4,5	
			17	114,5	5	87	4,4	
5	Đất xây dựng nhà ở liên kế	LK-5	18-25	851,0		89	4,5	8
			18	103,4	5	89	4,5	
			19	95,6	5	94	4,7	
			20	99,5	5	91	4,5	
			21	102,6	5	90	4,5	
			22	104,8	5	89	4,5	
			23	106,9	5	89	4,4	
			24	117,0	5	87	4,3	
			25	121,2	5	86	4,3	
	Tổng			2.684,7				25

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Số lô
I	Đất xây dựng nhà ở liên kế	LK	2.684,7	56,4	25
II	Đất cây xanh	CX	73,5	1,5	
III	Bãi đỗ xe	BDX	91,9	1,9	
III	Đất hạ tầng kỹ thuật		1.547,4	32,5	
1	Đất giao thông		1.300,0		
2	Đất khe hạ tầng kỹ thuật		247,4		
III	Đất hành lang đường	HLĐ	366,7	7,7	
	Tổng diện tích		4.764,2	100,0	

BẢNG GHI CHÚ TỌA ĐỘ RANH GIỚI QH
HỆ TỌA ĐỘ VN-2000

Số hiệu mốc	Khoảng cách (m)	Tọa độ X(m)	Tọa độ Y(m)
1		2260183.540	612412.100
2	4.56	2260184.240	612416.610
3	7.11	2260185.160	612423.660
4	10.35	2260186.510	612433.920
5	2.61	2260186.850	612436.510
6	5.05	2260187.640	612441.500
7	2.74	2260188.050	612444.210
8	10.52	2260189.620	612454.610
9	1.74	2260189.870	612456.330
10	19.99	2260192.970	612476.080
11	1.37	2260193.240	612477.420
12	1.58	2260193.549	612478.973
13	34.03	2260159.668	612475.752
14	15.49	2260144.300	612473.810
15	13.64	2260131.770	612468.410
16	12.29	2260120.260	612464.110
17	4.78	2260118.190	612468.420
18	0.62	2260117.730	612468.840
19	5.19	2260112.620	612469.720
20	10.11	2260112.030	612459.630
21	6.51	2260112.050	612453.120
22	20.18	2260110.490	612433.000
23	21.97	2260109.880	612411.040
24	0.78	2260110.330	612410.400
25	9.50	2260119.830	612410.540
26	3.81	2260123.620	612410.880
27	53.65	2260177.260	612411.890
1	6.28	2260183.540	612412.100

* Khu vực lập quy hoạch là khu đất nông nghiệp thuộc thôn Tân Lạc, xã Đồng Châu, tỉnh Hưng Yên. Ranh giới được giới hạn bởi các điểm mốc từ điểm 1 đến điểm số 27. Diện tích khu đất lập quy hoạch là 4764.2 m2

*Vị trí khu đất lập quy hoạch:

- Phía Tây giáp với đường giao thông hiện có, thủy lợi, sân thể thao
- Phía Nam giáp với giao thông hiện có, khu dân cư hiện có
- Phía Đông giáp với đất ở hiện có, ao của hộ gia đình cá nhân liền thổ với thửa đất ở và cùng chung chủ sử dụng
- Phía Bắc giáp với đường ĐH.31

Khu đất lập quy hoạch là khu đất xen kẹp không có khả năng mở rộng

Scanned with CamScanner